

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN DU LỊCH NINH VÂN BAY
Tầng 3, toà nhà Hoàng Gia, 180 Triệu Việt Vương, Hai Bà Trưng, Hà Nội



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN DU LỊCH NINH VÂN BAY
Quý II năm 2018

Hà nội, tháng 7 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		70.572.353.698	73.909.195.909
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	11.595.358.285	18.207.776.901
111	1. Tiền		9.595.358.285	3.807.776.901
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.000.000.000	14.400.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		115.000.000	115.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		115.000.000	115.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		44.292.509.266	42.058.466.826
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	2.917.934.417	3.911.367.142
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	4.705.104.263	3.224.041.225
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	24.746.700.000	22.061.700.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	17.081.233.139	15.330.093.175
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn		(5.158.462.553)	(2.468.734.716)
140	IV. Hàng tồn kho	8	11.011.880.526	9.421.793.101
141	1. Hàng tồn kho		11.011.880.526	9.421.793.101
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.557.605.621	4.106.159.081
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	2.038.041.742	2.735.430.365
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.519.563.879	1.370.728.716
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		450.402.115.379	460.877.336.772
220	I. Tài sản cố định		342.492.832.770	351.457.013.948
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	106.232.078.929	111.138.637.439
222	Nguyên giá		224.748.144.563	221.454.071.667
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(118.516.065.634)	(110.315.434.228)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	236.260.753.841	240.318.376.509
228	Nguyên giá		305.427.091.263	305.427.091.263
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(69.166.337.422)	(65.108.714.754)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		11.616.766.996	6.128.050.517
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	11.616.766.996	6.128.050.517
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	13	69.621.945.599	70.142.557.190
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		61.992.267.571	62.512.879.162
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		27.254.139.320	27.254.139.320
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(19.624.461.292)	(19.624.461.292)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		26.670.570.014	33.149.715.117
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	7.555.467.612	7.288.105.985
269	2. Lợi thế thương mại	14	19.115.102.402	25.861.609.132
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		520.974.469.077	534.786.532.681



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		128.329.576.538	147.221.301.274
310	I. Nợ ngắn hạn		79.958.824.994	99.420.573.404
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	11.743.978.969	12.895.249.022
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		7.797.165.384	8.288.193.696
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	11.549.139.819	13.158.856.733
314	4. Phải trả người lao động		3.175.334.381	6.068.589.828
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	10.538.998.263	11.334.443.833
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	15.722.341.247	16.606.144.220
320	7. Vay ngắn hạn	19	17.991.217.728	29.250.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.440.649.203	1.819.096.072
330	II. Nợ dài hạn		48.370.751.544	47.800.727.870
338	1. Vay dài hạn		1.342.046.280	-
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27.3	47.028.705.264	47.800.727.870
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		392.644.892.539	387.565.231.407
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	392.644.892.539	387.565.231.407
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		905.000.000.000	905.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		905.000.000.000	905.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		24.455.000.000	24.455.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		269.596.844	269.596.844
421	4. Lỗ lũy kế		(684.717.276.587)	(689.162.995.474)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước		(689.162.995.474)	(209.725.070.465)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối(lỗ) kỳ này		4.445.718.887	(479.437.925.009)
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		147.637.572.282	147.003.630.037
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		520.974.469.077	534.786.532.681



Ngô Thị Thanh Hải
Người lập kiêm Kế toán trưởng



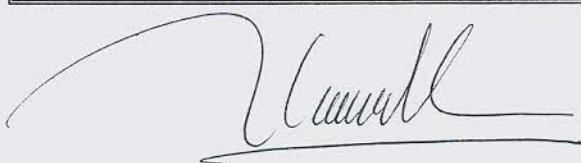
Hoàng Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 7 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Quý		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
		Quý 2 năm 2018	Quý 2 năm 2017	Năm 2018	Năm 2017
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	68,438,037,121	55,373,163,083	144,296,191,777	124,779,600,557
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	(409,965,215)	(15,633,057)	(469,990,392)	(43,426,065)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	68,028,071,906	55,357,530,026	143,826,201,385	124,736,174,492
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ	(31,146,032,189)	(27,378,194,359)	(61,324,768,795)	(55,079,123,800)
20	5. (Lỗ)/lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	36,882,039,717	27,979,335,667	82,501,432,590	69,657,050,692
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	260,606,071	(5,279,884,616)	1,011,634,611	1,026,116,678
22	7. Chi phí tài chính	(460,028,726)	(45,952,571,643)	(1,212,647,797)	(53,545,703,954)
23	Trong đó: chi phí lãi vay	(395,965,272)	(8,214,554,808)	(1,087,772,638)	(15,092,441,012)
24	8. Phần lỗ từ công ty liên kết	(91,972,080)		(91,972,080)	(67,546,603)
25	9. Chi phí bán hàng	(8,469,753,923)	(6,245,276,292)	(16,580,758,919)	(14,944,532,029)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(19,402,311,888)	(263,407,407,699)	(35,028,614,028)	(278,990,112,381)
30	11. (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	8,718,579,171	(292,905,804,583)	30,599,074,377	(276,864,727,597)
31	12. Thu nhập khác	(1,447,240,496)	409,967,283	736,398,790	481,344,575
32	13. Chi phí khác	1,991,754,464	(2,299,667,158)	(403,792,210)	(2,384,440,296)
40	14. Lợi nhuận khác	544,513,968	(1,889,699,875)	332,606,580	(1,903,095,721)
50	15. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	9,263,093,139	(294,795,504,458)	30,931,680,957	(278,767,823,318)
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	(4,252,772,707)	(1,265,573,329)	(9,964,042,431)	(3,078,240,256)
52	17. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	386,011,303	144,754,239	772,022,606	289,508,478
60	18. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN	5,396,331,735	(295,916,323,548)	21,739,661,132	(281,556,555,096)
61	19. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	1,407,774,953	(299,604,343,929)	4,445,718,887	(295,215,783,797)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	3,988,556,782	3,688,020,381	17,293,942,245	13,726,775,304



Ngô Thị Thanh Hải
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Ngày 30 tháng 7 năm 2018



Hoàng Anh Dũng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế		30.931.680.957	(279.068.619.395)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		19.004.760.804	18.886.730.198
03	Các khoản dự phòng		2.689.727.837	258.317.569.673
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(379.997)	1.175.023
05	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		(815.664.485)	26.996.920.455
06	Chi phí lãi vay (bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)		1.087.772.638	15.454.478.050
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		52.897.897.754	40.588.254.004
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		29.398.097	(2.187.361.466)
10	Tăng hàng tồn kho		(1.590.087.425)	(520.979.299)
11	Giảm các khoản phải trả		(5.699.237.209)	(2.079.166.156)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		430.026.996	(1.289.321.186)
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.320.383.597)	(383.994.350)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(11.856.713.532)	(476.656.590)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(378.446.869)	(926.475.861)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		32.512.454.215	32.724.299.096
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(10.103.802.375)	(1.276.315.170)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	434.598.441
23	Tiền chi cho vay		(2.685.000.000)	(382.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		-	603.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(3.370.250.000)
26	Tiền thu đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	5.412.386.111
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		240.285.539	173.744.444
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(12.548.516.836)	1.595.163.826

1941-
TY
ÂN
VDUL
NBAY
-TP

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		16.996.177.708	21.390.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(26.912.913.700)	(25.460.000.000)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát		(16.660.000.000)	(12.250.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(26.576.735.992)	(16.320.000.000)
50	(Giảm)/tăng tiền thuần trong kỳ		(6.612.798.613)	17.999.462.922
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		18.207.776.901	5.573.253.577
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		379.997	(1.175.023)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	11.595.358.285	23.571.541.476



Ngô Thị Thanh Hải
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Hoàng Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 7 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2018

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103013874 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 26 tháng 9 năm 2006 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 ngày 7 tháng 10 năm 2016.

Vào ngày 28 tháng 4 năm 2010, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã chính thức chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay với mã cổ phiếu NVT theo công văn số 85/QĐ-SGDHCM. Vào ngày 7 tháng 5 năm 2010, 50.500.000 cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết và bắt đầu phiên giao dịch đầu tiên tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, số cổ phiếu được lưu hành của Công ty là 90.500.000 cổ phiếu (Thuyết minh số 20.4).

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Kinh doanh khách sạn và dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 3, tòa nhà Hoàng Gia, số 180 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 391 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 391 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có 1 công ty con là Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải. Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4200686538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 13 tháng 12 năm 2008, với số vốn điều lệ là 90 tỷ VND. Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải có trụ sở đặt tại thôn Văn Đăng, xã Vĩnh Lương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Hoạt động chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải là kinh doanh khu du lịch sinh thái, dịch vụ ăn uống và lễ hành.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty nắm 51% (tương đương 4.590.000 cổ phiếu) vốn cổ phần và 51% quyền biểu quyết trong công ty con này (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 51%).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”), và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2018

- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

2.6 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|-------------------------------------|---|---|
| Nguyên vật liệu và hàng hóa | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | - | chi phí đất và xây dựng phần hoàn thiện của các biệt thự được ghi nhận theo tiến độ thực tế bàn giao với nhà thầu thi công. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v..) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2018

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”).

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 18 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	1 - 5 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất và mặt biển	33 - 43 năm
Phần mềm máy tính	3 - 7 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2018

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2018

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải (công ty con của Công ty) trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- ▶ Quỹ đầu tư và phát triển
Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.
- ▶ Quỹ khen thưởng và phúc lợi



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2018

Quý này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho giai đoạn hiện hành và các giai đoạn trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

20518
NG T
PHÁ
S SÁN
I VÂN
ƯNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2018

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Tập đoàn là kinh doanh khách sạn và dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy,

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2018

rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Tập đoàn cung cấp hoặc do Tập đoàn hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Tập đoàn chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Tập đoàn không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Tiền mặt	454.119.458	366.196.145
Tiền gửi ngân hàng	9.141.238.827	3.441.580.756
Các khoản tương đương tiền (*)	2.000.000.000	14.400.000.000
TỔNG CỘNG	<u>11.595.358.285</u>	<u>18.207.776.901</u>

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt có kỳ hạn nhỏ hơn 3 tháng, hưởng lãi suất từ 5,5%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Công ty TNHH Du lịch và Thương mại Á Đông Vido Tour	491.792.084	422.666.202
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đường mòn Đông Dương	343.559.342	474.688.551
Các khoản phải thu khách hàng khác	2.082.582.991	3.014.012.389
TỔNG CỘNG	<u>2.917.934.417</u>	<u>3.911.367.142</u>

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Seat Boat Co.,Ltd	806.919.750	-
Viện NCCT tàu thủy, trường ĐH Nha Trang	514.093.250	-
Công ty TNHH Hạc Việt Tour	456.000.000	-
Công ty TNHH MTV Trần Đức	-	1.445.176.359
Các khoản trả trước khác	2.928.091.263	1.778.864.866
TỔNG CỘNG	<u>4.705.104.263</u>	<u>3.224.041.225</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2018

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	24.746.700.000	22.061.700.000
TỔNG CỘNG	24.746.700.000	22.061.700.000

Phải thu về cho vay ngắn hạn với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 bao gồm các khoản phải thu sau:

<i>Đối tượng</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018 (VND)</i>	<i>Ngày đáo hạn Từ tháng 1 đến tháng 12 năm 2018 21 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Công ty TNHH Sinh thái Cồn Bắp	24.516.700.000		9%	Không
Công ty Cổ phần Hồng Hải	230.000.000		14%	Không
TỔNG CỘNG	24.746.700.000			

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Lãi vay phải thu các bên liên quan	10.811.112.114	9.715.121.577
Chi phí chi trả hộ bên liên quan	3.197.512.908	2.468.734.716
Phải thu ngắn hạn khác	3.072.608.117	3.146.236.882
TỔNG CỘNG	17.081.233.139	15.330.093.175
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.158.462.553)	(2.468.734.716)
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác</i>	3.072.608.117	3.146.236.882
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	14.008.625.022	12.183.856.293

8. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	6.371.348.677	5.695.285.730
Công cụ, dụng cụ	4.640.531.849	3.726.507.371
TỔNG CỘNG	11.011.880.526	9.421.793.101

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2018

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.027.372.537	1.611.172.618
Chi phí sửa chữa tài sản	346.963.114	796.701.791
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	663.706.091	327.555.956
TỔNG CỘNG	<u>2.038.041.742</u>	<u>2.735.430.365</u>
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.022.239.064	3.739.473.246
Chi phí sửa chữa cơ sở hạ tầng	3.734.896.337	2.825.341.024
Chi phí trả trước dài hạn khác	798.332.211	723.291.715
TỔNG CỘNG	<u>7.555.467.612</u>	<u>7.288.105.985</u>



Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay
B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 Năm 2018

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	138.194.537.216	49.298.776.957	27.020.292.016	6.940.465.478	221.454.071.667
- Mua trong kỳ	-	2.084.898.278	1.209.174.618	-	3.294.072.896
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	138.194.537.216	51.383.675.235	28.229.466.634	6.940.465.478	224.748.144.563
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	1.597.305.917	12.891.804.808	7.776.663.809	942.147.238	23.207.921.772
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	65.068.917.985	28.465.000.263	12.400.269.694	4.381.246.286	110.315.434.228
- Khấu hao trong kỳ	4.242.723.322	2.176.917.094	575.974.482	1.205.016.508	8.200.631.406
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	69.311.641.307	30.641.917.357	12.976.244.176	5.586.262.794	118.516.065.634
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	73.125.619.231	20.833.776.694	14.620.022.322	2.559.219.192	111.138.637.439
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	68.882.895.909	20.741.757.878	15.253.222.458	1.354.202.684	106.232.078.929

Tài sản gắn liền với đất là Khách sạn nghỉ dưỡng Six Senses Hideaway Ninh Vân Bay tại Chân núi Bà Dú, xã Ninh Vân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa và các quyền tài sản phát sinh được sử dụng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (Thuyết minh số 19).

Toàn bộ phương tiện vận tải, máy móc thiết bị hình thành từ khoản vay dài hạn được sử dụng để thế chấp cho khoản vay dài hạn tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (Thuyết minh số 19).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 Năm 2018

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất và mặt biển	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	301.589.683.022	3.741.716.654	95.691.587	305.427.091.263
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	301.589.683.022	3.741.716.654	95.691.587	305.427.091.263
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	62.445.990.844	2.567.032.323	95.691.587	65.108.714.754
Hao mòn trong kỳ	3.861.841.942	195.780.726	-	4.057.622.668
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	66.307.832.786	2.762.813.049	95.691.587	69.166.337.422
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	239.143.692.178	1.174.684.331	-	240.318.376.509
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	235.281.850.236	978.903.605	-	236.260.753.841

Quyền sử dụng đất và mặt biển bao gồm diện tích 49,98 ha đất và 94,5 ha mặt biển tại đảo Ninh Vân, huyện Ninh Vân, tỉnh Khánh Hòa được sử dụng cho việc kinh doanh khu nghỉ Six Senses Ninh Vân Bay. Toàn bộ khu đất và mặt biển là một quần thể không tách rời, cùng được sử dụng cho hoạt động của khu nghỉ và được cụ thể như sau:

- ▶ Theo hợp đồng thuê đất và mặt biển số 01/2003 HĐ/TĐ ngày 21 tháng 1 năm 2003, diện tích đất thuê là 333.180 m² và diện tích mặt biển thuê là 158.686 m². Đối với tiền thuê mặt biển, Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải đã thanh toán theo hình thức trả tiền một lần. Đối với tiền thuê đất, theo Quyết định số 88 CT/QĐ của Cục thuế Khánh Hòa, trong tổng số đất thuê 333.180 m², diện tích tính tiền thuê đất là 82.914 m², Công ty được miễn tiền thuê đất trong vòng 11 năm (miễn đến 5 tháng 12 năm 2013). Các năm sau, tiền thuê đất được trả hàng năm; và
- ▶ Theo hợp đồng thuê đất và mặt biển số 24/2004 HĐ/TĐ ngày 28 tháng 4 năm 2004, diện tích đất thuê là 164.889 m² và diện tích mặt biển thuê là 786.829 m². Đối với tiền thuê mặt biển, Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải đã thanh toán theo hình thức trả tiền một lần. Đối với tiền thuê đất, theo Quyết định số 08/QĐ-CCT của Cục thuế Khánh Hòa, diện tích tính tiền thuê đất là 164.889 m² chỉ được miễn tiền thuê đất đến ngày 16 tháng 3 năm 2015. Các năm sau, tiền thuê đất được trả hàng năm.

Tài sản gắn liền với đất là Khách sạn nghỉ dưỡng Six Senses Hideaway Ninh Vân Bay tại Chân núi Bà Dú, xã Ninh Vân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa và các quyền tài sản phát sinh được sử dụng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (Thuyết minh số 19).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 Năm 2018

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Chi phí thiết kế Dự án Six Senses Ninh Vân Bay - giai đoạn 2	1.036.935.000	1.036.935.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	10.579.831.996	5.091.115.517
TỔNG CỘNG	11.616.766.996	6.128.050.517

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 13.1)	61.992.267.571	62.512.879.162
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 13.2)	27.254.139.320	27.254.139.320
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh số 13.3)	(19.624.461.292)	(19.624.461.292)
TỔNG CỘNG	69.621.945.599	70.142.557.190

13.1 Đầu tư vào công ty liên kết

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Tỷ lệ vốn năm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn năm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp (*)	40,21	40,21	40,21	40,21

(*) Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp là một công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000491891 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ngày 5 tháng 5 năm 2008, với số vốn điều lệ là 30 tỷ VND. Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp có trụ sở đặt tại Cồn Bắp, phường Cẩm Nam, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Hoạt động chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty này là kinh doanh khách sạn và dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty sở hữu 40,21% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐQT thông qua chủ trương chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty trong Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp với tổng giá trị chuyển nhượng không thấp hơn 76 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty vẫn đang trong quá trình tìm kiếm đối tác để thực hiện việc chuyển nhượng nói trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 Năm 2018

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết này như sau:

Đơn vị tính: VND

	<i>Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Côn Đảo</i>	<i>Tổng cộng</i>
Giá trị đầu tư:		
Số đầu kỳ	63.930.000.000	63.930.000.000
Số cuối kỳ	63.930.000.000	63.930.000.000
Phản lũy kế lỗ sau khi mua công ty liên kết:		
Số đầu kỳ	(1.417.120.838)	(1.417.120.838)
Phản lỗ từ công ty liên kết	(91.972.080)	(91.972.080)
Lãi chưa thực hiện từ giao dịch với công ty liên kết trong năm	(428.639.511)	(428.639.511)
Số cuối kỳ	(1.937.732.429)	(1.937.732.429)
Giá trị còn lại:		
Số đầu kỳ	62.512.879.162	62.512.879.162
Số cuối kỳ	61.992.267.571	61.992.267.571



Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 Năm 2018

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

Tên đơn vị	Ngày 30 tháng 6 năm 2018				Ngày 31 tháng 12 năm 2017			
	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú	(i) 12,24	12,24	18.360.000.000	(18.360.000.000)	12,24	12,24	18.360.000.000	(18.360.000.000)
Công ty Cổ phần Hồng Hải	(ii) 10,37	10,37	6.894.139.320	-	10,37	10,37	6.894.139.320	-
Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỹ nghệ Ninh Vân Bay	(iii) 10,00	10,00	1.000.000.000	(1.000.000.000)	10,00	10,00	1.000.000.000	(1.000.000.000)
Công ty Cổ phần EMG	(iv) 14,3	14,3	1.000.000.000	(264.461.292)	14,3	14,3	1.000.000.000	(264.461.292)
TỔNG CỘNG			27.254.139.320	(19.624.461.292)			27.254.139.320	(19.624.461.292)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 Năm 2018

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

- (i) Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025527 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 6 năm 2008, với số vốn điều lệ là 150 tỷ VND. Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú có trụ sở đặt tại Đàm Vân Long, xã Gia Vân, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú là kinh doanh khách sạn, khu nghỉ dưỡng và dịch vụ ăn uống.
- (ii) Công ty Cổ phần Hồng Hải là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4200479404 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 18 tháng 8 năm 2010, với số vốn điều lệ là 100 tỷ VND. Công ty Cổ phần Hồng Hải có trụ sở đặt tại thôn Văn Đăng, xã Vĩnh Lương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Hồng Hải là kinh doanh khu du lịch sinh thái, làng du lịch và dịch vụ ăn uống.
- (iii) Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310273430 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 8 năm 2010, với số vốn điều lệ là 10 tỷ VND. Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay có trụ sở đặt tại lầu 6, tòa nhà Khatoco 259A Hai Bà Trưng, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay là phát hành và quản lý thẻ nghỉ dài hạn.
- (iv) Công ty Cổ phần EMG là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311199892 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 9 năm 2011, với số vốn điều lệ là 7 tỷ VND. Công ty Cổ phần EMG có trụ sở đặt tại lầu 6, tòa nhà Khatoco, số 259A Hai Bà Trưng, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần EMG là dịch vụ quản lý khách sạn và khu nghỉ dưỡng, kinh doanh khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 Năm 2018

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.3 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Dự phòng đầu kỳ	19.624.461.292	9.735.009.356
Trích lập dự phòng trong kỳ	-	9.889.451.936
Dự phòng cuối kỳ	19.624.461.292	19.624.461.292

14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	134.930.134.599	134.930.134.599
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	134.930.134.599	134.930.134.599
Phân bổ lũy kế:		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	109.068.525.467	109.068.525.467
- Phân bổ trong năm	6.746.506.730	6.746.506.730
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	115.815.032.197	115.815.032.197
Giá trị còn lại:		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	25.861.609.132	25.861.609.132
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	19.115.102.402	19.115.102.402

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả đối tượng khác	7.260.384.523	7.260.384.523	10.037.178.850	10.037.178.850
Phải trả ngắn hạn cho bên liên quan (Thuyết minh số 27)	4.483.594.446	4.483.594.446	2.858.070.172	2.858.070.172
TỔNG CỘNG	11.743.978.969	11.743.978.969	12.895.249.022	12.895.249.022



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 Năm 2018

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Thuế giá trị gia tăng	831.867.103	10.307.890.187	(9.750.537.690)	1.389.219.600
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.770.575.071	9.964.042.431	(11.856.713.532)	9.877.903.970
Thuế thu nhập cá nhân	435.335.654	1.683.835.673	(1.921.239.508)	197.931.819
Thuế khác	121.078.905	1.844.623.372	(1.881.617.847)	84.084.430
TỔNG CỘNG	13.158.856.733	23.800.391.663	(25.410.108.577)	11.549.139.819

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Chi phí thuê văn phòng và mặt bằng	3.451.191.569	4.016.078.948
Lãi vay phải trả (*)	2.848.956.159	3.081.567.118
Chi phí quảng cáo và tiếp thị	3.062.394.677	2.847.900.320
Chi phí phải trả khác	1.176.455.858	1.388.897.447
TỔNG CỘNG	10.538.998.263	11.334.443.833
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí phải trả khác</i>	7.087.806.694	7.318.364.885
<i>Chi phí phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	3.451.191.569	4.016.078.948

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Các cá nhân (*)	11.000.000.000	11.000.000.000
Quỹ từ thiện	2.621.419.752	2.397.400.561
Phí phục vụ phải trả cho nhân viên	1.312.664.696	1.945.191.132
Các khoản phải trả khác	788.256.799	1.263.552.527
TỔNG CỘNG	15.722.341.247	16.606.144.220
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác</i>	15.722.341.247	16.606.144.220

Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 Năm 2018

19. VAY VÀ NỢ

Đơn vị tính: VND

		Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Thay đổi trong năm		Ngày 30 tháng 6 năm 2018	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn							
Vay đối tượng khác	19.1	19.250.000.000	19.250.000.000	7.620.000.000	(13.912.913.700)	12.957.086.300	12.957.086.300
Vay ngân hàng	19.2	10.000.000.000	10.000.000.000	7.586.777.428	(13.000.000.000)	4.586.777.428	4.586.777.428
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	19.2	-	-	447.354.000	-	447.354.000	447.354.000
		29.250.000.000	29.250.000.000	15.654.131.428	(26.912.913.700)	17.991.217.728	17.991.217.728
Vay dài hạn							
Vay ngân hàng	19.3	-	-	1.789.400.280	(447.354.000)	1.342.046.280	1.342.046.280
		-	-	1.789.400.280	(447.354.000)	1.342.046.280	1.342.046.280
TỔNG CỘNG		29.250.000.000	29.250.000.000	17.443.531.708	(27.360.267.700)	19.333.264.008	19.333.264.008



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 Năm 2018

19. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

19.1 Vay ngắn hạn đối tượng khác

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn đối tượng khác như sau:

Đối tượng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Bà Bùi Lê Mai	12.157.086.300	Từ tháng 10 đến tháng 11 năm 2018	11%	Tín chấp
Bà Nguyễn Thị Bình	800.000.000	Từ tháng 2 đến tháng 3 năm 2019	11%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>12.957.086.300</u>			

19.2 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản ngắn hạn ngân hàng như sau:

Đối tượng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Khánh Hòa	4.586.777.428	Thời hạn vay 3 tháng. Nợ gốc thanh toán vào ngày 25 tháng 9 năm 2018. Lãi được trả vào ngày 25 hàng tháng	7,6%	Bất động sản tại Chân núi Bà Dú, xã Ninh Vân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa và quyền tài sản phát sinh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 292538, số BĐ 292540 và số BĐ 292540 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 08/03/2011
TỔNG CỘNG	<u>4.586.777.428</u>			



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 Năm 2018

19. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

19.3 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Khánh Hòa	1.789.400.280	Thời hạn vay 48 tháng. Nợ gốc được thanh toán 48 kỳ và trả vào ngày 25 hàng tháng. Ngày trả nợ gốc vay cuối cùng là 25 tháng 6 năm 2022. Lãi được trả vào ngày 25 hàng tháng.	8,5%	Bất động sản tại Chân núi Bà Dú, xã Ninh Vân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa và quyền tài sản phát sinh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 292538, số BĐ 292540 và số BĐ 292540 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 08/03/2011

Toàn bộ phương tiện vận tải, máy móc thiết bị hình thành từ khoản vay dài hạn

TỔNG CỘNG 1.789.400.280

Trong đó:

- Vay dài hạn đến hạn trả	447.354.000
- Vay dài hạn	1.342.046.280



Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 Năm 2018

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Phần vốn thuộc về các cổ đông của Công ty mẹ					Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát	Tổng nguồn vốn
	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗi lũy kế	Tổng cộng		
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017:							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	905.000.000.000	24.455.000.000	269.596.844	(209.572.070.465)	720.152.526.379	147.256.788.963	867.409.315.342
- Chia cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(12.250.000.000)	(12.250.000.000)
- (Lỗ)/Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	(295.516.579.364)	(295.516.579.364)	13.659.228.190	(281.857.351.174)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>905.000.000.000</u>	<u>24.455.000.000</u>	<u>269.596.844</u>	<u>(505.088.649.829)</u>	<u>424.635.947.015</u>	<u>148.666.017.153</u>	<u>573.301.964.168</u>
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018:							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	905.000.000.000	24.455.000.000	269.596.844	(689.162.995.474)	240.561.601.370	147.003.630.037	387.565.231.407
- Chia cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(16.660.000.000)	(16.660.000.000)
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	4.445.718.887	4.445.718.887	17.293.942.245	21.739.661.132
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>905.000.000.000</u>	<u>24.455.000.000</u>	<u>269.596.844</u>	<u>(684.717.276.587)</u>	<u>245.007.320.257</u>	<u>147.637.572.282</u>	<u>392.644.892.539</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2018

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Chi tiết vốn cổ phần đã góp

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018			ngày 31 tháng 12 năm 2017		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp của cổ đông	905.000.000.000	905.000.000.000	-	905.000.000.000	905.000.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	24.455.000.000	24.455.000.000	-	24.455.000.000	24.455.000.000	-
TỔNG CỘNG	929.455.000.000	929.455.000.000	-	929.455.000.000	929.455.000.000	-

20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	ngày 31 tháng 12 năm 2017
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	905.000.000.000	905.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Số cuối năm	905.000.000.000	905.000.000.000

20.4 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.500.000	905.000.000.000	90.500.000	905.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng và được góp vốn đầy đủ	90.500.000	905.000.000.000	90.500.000	905.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	90.500.000	905.000.000.000	90.500.000	905.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.500.000	905.000.000.000	90.500.000	905.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	90.500.000	905.000.000.000	90.500.000	905.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu (2017: 10.000 đồng/cổ phiếu).

102
CỔ
PHẦN
NH
TR

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2018

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Tổng doanh thu	144.296.191.777	124.779.600.557
Trong đó:		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>35.043.603.867</i>	<i>29.863.712.109</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>109.252.587.910</i>	<i>94.915.888.448</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	(469.990.392)	(43.426.575)
Hàng bán trả lại	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(469.990.392)	(43.426.575)
Doanh thu thuần	143.826.201.385	124.736.173.982
Trong đó:		
<i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	<i>35.043.603.867</i>	<i>29.863.712.109</i>
<i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	<i>108.782.597.518</i>	<i>94.872.461.873</i>

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	907.636.565	666.308.434
Lãi chênh lệch tỷ giá	103.998.046	59.012.679
TỔNG CỘNG	1.011.634.611	725.321.113

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	12.526.528.240	7.443.554.823
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	48.798.240.555	47.635.568.977
TỔNG CỘNG	61.324.768.795	55.079.123.800

05194
CÔNG TY
BẤT ĐỘNG SẢN
DU LỊCH
NINH VÂN BAY
JNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2018

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí lãi vay	1.087.772.638	15.092.441.012
Lỗi chênh lệch tỷ giá	88.198.933	239.982.728
Lỗi thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	27.957.521.943
Dự phòng giảm giá tổn thất của các khoản đầu tư	-	9.889.451.936
Chi phí tài chính khác	36.676.226	366.306.335
TỔNG CỘNG	1.212.647.797	53.545.703.954

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ quản lý	9.484.680.903	8.338.136.492
Chi phí tiếp thị, quảng cáo	3.776.980.300	4.601.232.268
Chi phí nhân công	3.127.428.412	1.908.431.495
Chi phí khác	191.669.304	96.731.773
TỔNG CỘNG	16.580.758.919	14.944.532.028
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	9.893.585.832	9.349.273.016
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.411.594.622	8.201.567.216
Lợi thế thương mại phân bổ trong kỳ	6.746.506.730	6.746.506.730
Phí phục vụ chia cho nhân viên	6.847.737.181	5.937.951.205
Dự phòng phải thu ngắn hạn	2.689.727.837	248.428.117.733
Chi phí khấu hao	-	8.810.580
Chi phí khác	1.439.461.826	317.885.901
TỔNG CỘNG	35.028.614.028	278.990.112.381

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2018

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.186.077.373	35.289.483.988
Chi phí nhân công	36.378.323.628	31.608.626.737
Chi phí khấu hao, hao mòn tài sản cố định, phân bổ lợi thế thương mại	19.004.760.804	18.886.730.198
Chi phí nguyên vật liệu	15.058.018.915	13.570.848.740
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.689.727.837	248.428.117.737
Chi phí khác	1.617.233.185	1.229.960.810
TỔNG CỘNG	112.934.141.742	349.013.768.210

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và công ty con là 20% lợi nhuận chịu thuế (cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

Đơn vị tính: VND

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.964.042.431	2.855.291.288
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu của các năm trước	-	222.948.968
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(772.022.606)	(289.508.477)
TỔNG CỘNG	9.192.019.825	2.788.731.779

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2018

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	30.931.680.957	(279.068.619.395)
Thuế TNDN theo các thuế suất áp dụng cho Công ty và công ty con là 20%	6.186.336.191	(55.813.723.879)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận liên quan đến lỗ tính thuế trong năm	1.278.778.843	74.130.499.750
Phân bổ lợi thế thương mại	1.349.301.346	1.349.301.346
Các chi phí không được khấu trừ khác	377.679.445	544.899.759
Lỗ thanh lý công ty liên kết không được khấu trừ	-	1.803.265.699
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	222.948.968
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện các khoản phải thu và tiền	(76.000)	-
Dự phòng khoản phải thu công ty con	-	(11.624.876.006)
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế TNDN của Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	-	(4.712.761.332)
Chi phí lãi vay được khấu trừ của công ty con	-	(3.110.822.526)
Chi phí thuế TNDN	9.192.019.825	2.788.731.779

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tập đoàn khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2018

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	
	30 tháng 6 năm 2018	31 tháng 12 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Ảnh hưởng của việc điều chỉnh giá trị hợp lý các tài sản của công ty con tại ngày mua	47.028.705.264	47.800.727.870	772.022.606	289.508.477
	47.028.705.264	47.800.727.870		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ			772.022.606	289.508.477

26.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận phải chịu thuế thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tập đoàn có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 684.717.276.557 (31 tháng 12 năm 2017: 675.604.744.178 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh (*)	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế(*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2018		Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/6/2018
			Đã chuyển lỗ	Không được chuyển lỗ	
2015	2020	294.202.906.825	-	-	294.202.906.825
2016	2021	11.421.544.691	-	-	11.421.544.691
2017	2022	369.980.292.662	-	-	369.980.292.662
Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	2023	6.393.894.213	-	-	6.393.894.213
TỔNG CỘNG		681.998.638.391	-	-	681.998.638.391

(*) Đây là các khoản lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Tập đoàn còn chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại nêu trên do không thể dự tính được chắc chắn lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2018

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp	Công ty liên kết	Lãi vay phải thu phát sinh	1.066.002.265	748.061.593
				382.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thương mại P&N	Cổ đông Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	Chia cổ tức Cổ tức chi trả cho cổ đông	10.200.000.000 10.200.000.000	7.250.000.000 7.250.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư TLC	Cổ đông Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	Chia cổ tức Cổ tức chi trả cho cổ đông	1.360.000.000 1.360.000.000	1.000.000.000 1.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Du lịch THC	Cổ đông Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	Chia cổ tức Cổ tức chi trả cho cổ đông	3.400.000.000 3.400.000.000	2.500.000.000 2.500.000.000
Ông Tạ Phạm Phi Cát	Cổ đông, Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	Chia cổ tức Cổ tức chi trả cho cổ đông	1.700.000.000 1.700.000.000	1.250.000.000 1.250.000.000
Công ty Cổ phần Hồng Hải	Công ty nhận vốn đầu tư	Góp thêm vốn trong kỳ	-	3.370.250.000
Sustainable Luxury Mauritius Ltd	Công ty Quản lý Khu nghỉ dưỡng Six Senses Ninh Vân Bay	Phí quản lý phát sinh Thanh toán phí quản lý	9.177.420.783 7.614.326.613	8.028.662.477 7.169.619.779



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2018

27. **NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và 31 tháng 12 năm 2017, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 6)				
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Côn Bắp	Công ty liên kết	Cho vay	24.516.700.000	21.831.700.000
Công ty Cổ phần Hồng Hải	Đơn vị nhận vốn đầu tư	Cho vay	230.000.000	230.000.000
			24.746.700.000	22.061.700.000
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)				
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Côn Bắp	Công ty liên kết	Lãi vay phải thu	10.594.613.155	9.528.610.890
Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỹ nghệ Ninh Vân Bay (NVBHC)	Đơn vị nhận vốn đầu tư	Chi phí trả hộ	2.468.734.716	2.468.734.716
Công ty Cổ phần Hồng Hải	Công ty nhận vốn đầu tư	Lãi vay phải thu	216.498.959	186.510.687
		Thu hộ chi hộ	728.778.192	-
			14.008.625.022	12.183.856.293
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15)				
Sustainable Luxury Mauritius Ltd	Công ty Quản lý Khu nghỉ dưỡng Six Senses Ninh Vân Bay	Phí quản lý	4.483.594.446	2.858.070.172
			4.483.594.446	2.858.070.172
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 17)				
Công ty Cổ phần Hồng Hải	Công ty nhận vốn đầu tư	Chi phí thuê cầu cảng, thiết bị	3.451.191.569	4.016.078.948
			3.451.191.569	4.016.078.948



Ngô Thị Thanh Hải
Người lập kế toán trưởng

Ngày 30 tháng 7 năm 2018



Hoàng Anh Dũng
Tổng Giám đốc